TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/**2018/DS-PT.
Ngày: 08 – 01 – 2018.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Thu Hường.
Các Thẩm phán: bà Trần Thị Phượng; Ông Trịnh Văn Toàn.
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang. Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2017/TLPT-DS ngày 08/11/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DSST ngày 27/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2017/QĐXXPT-DS ngày 01/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C.
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M (Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2017)
Địa chỉ: 361 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).
Bị đơn: Ông Phạm Tuấn A.
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ 6, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị T.
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ 6, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Ngày 14/11/2016 âm lịch (ngày 12/12/2016 dương lịch), bà Nguyễn Thị Kim C có cho ông Phạm Tuấn A vay số tiền là 90.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất 2.000đ/triệu/ngày, thời hạn trả nợ đến ngày 14/02/2017. Khi vay, hai bên có viết giấy vay tiền và ông Tuấn A có thế chấp cho bà Kim C 01 giấy CNQSDĐ số CA 991099 đứng tên ông Phạm Tuấn A và bà Võ Thị T để làm tin. Đã quá ngày trả nợ, mặc dù bà C nhiều lần yêu cầu nhưng ông Tuấn A không chịu trả nợ cho bà C. Nay bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu ông Phạm Tuấn A phải trả cho bà C số tiền

là 90.000.000đ gốc và tiền lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày vay 12/12/2016 đến ngày 12/5/2017 là 4.500.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 94.500.000đ, và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 13/5/2017 đến khi trả xong số nợ gốc theo quy định pháp luật.

Đối với giấy giấy CNQSDĐ số CA 991099 đứng tên ông Phạm Tuấn A và bà Võ Thị T, do khi thế chấp hai bên chỉ viết giấy tay với nhau mà không được công chứng, chứng thực nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào ông Phạm Tuấn A trả hết tiền cho bà C thì bà C sẽ trả lại cho ông Phạm Tuấn A.

Khi vay, chỉ một mình ông Phạm Tuấn A vay tiền và ký nhận, bà Võ Thị T không biết nên bà C chỉ yêu cầu ông Phạm Tuấn A phải có trách nhiệm trả tiền nợ cho bà C.

Bị đơn ông Phạm Tuấn A trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc M và thừa nhận hiện nay còn nợ bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 90.000.000 đồng tiền gốc và lãi từ ngày 12/12/2016, nhưng ông xin trả dần theo phương thức mỗi tháng trả 10.000.000đ cho đến khi trả dứt nợ cho bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T trình bày:

Khi vay chỉ một mình ông Phạm Tuấn A vay tiền và ký nhận, bà Võ Thị T không biết nên yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã quyết định:

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 16, Điều 70; các điều 144;147;161;162; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 471; khoản 1, khoản 5 Điều 474; khoản 1 Điều 476; khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C.

- Buộc ông Phạm Tuấn A phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số nợ gốc 90.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 12/12/2016 đến ngày 27/9/2017 là 8.550.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là: 98.550.000đ (Chín mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Bà C phải trả cho ông Phạm Tuấn A 01 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 991099 của Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 21/8/2015 đứng tên ông Phạm Tuấn A và bà Võ Thị T.

Áp dụng khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

2.Về tiền chi phí giám định: Ông Phạm Tuấn A phải chịu 5.100.000đ tiền chi phí giám định, hoàn trả lại cho bà C số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.100.000đ sau khi thu được của ông Phạm Tuấn A.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2017 bị đơn có đơn kháng cáo với nội dung: Hiện tại do hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn, xin cấp phúc thẩm xét xử lại

vụ án theo hướng cho ông Phạm Tuấn A trả dần cho bà Nguyễn Thị Kim C mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ gốc và lãi. Đồng thời không buộc ông Phạm Tuấn A phải trả tiền chi phí giám định chữ viết là 5.100.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với kháng cáo xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000đ cho nguyên đơn cho đến khi trả hết số nợ gốc và lãi, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không chấp nhận nên không có cơ sở xem xét. Đối với kháng cáo không đồng ý trả chi phí giám định chữ ký, chữ viết: mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án Quyết định trưng cầu giám định. Kết luận giám định đã kết luận chữ ký, chữ viết có nội dung "Phạm Tuấn A" trong giấy biên nhận vay so với tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra. Nên bị đơn phải chịu chi phí giám định là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Tuấn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ về nội dung.

Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án là không đúng, mà phải áp dụng khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015. Do đó, cần sửa lại điều luật áp dụng cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 12/12/2016, ông Phạm Tuấn A vay của bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 90.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2.000đ/triệu/ngày, thời hạn trả nợ đến ngày 14/02/2017. Hết hạn trả nợ, ông Phạm Tuấn A vẫn không trả tiền nợ gốc và tiền lãi suất cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, hai bên thỏa thuận mức lãi suất từ ngày 12/12/2016 đến ngày 27/9/2017 là 1%/tháng, thỏa thuận này là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 90.000.000 đồng tiền gốc và 8.550.000đ tiền lãi là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn xin được trả "dần" số nợ cho nguyên đơn với số tiền 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả xong nợ, nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để xem xét. Về nội dung kháng cáo không chấp nhận chịu 5.100.000đ tiền chi phí giám định chữ viết, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, nên nguyên đơn làm đơn xin giám định chữ viết của bị đơn. Tại kết luận giám định số 52/PC54 ngày 21/8/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ viết có nội dung

"Phạm Tuấn A" dưới mục "NGƯỜI VAY TIỀN" trong 'GIẤY VAY TIỀN" đề ngày 14 tháng 11 năm 2016 so với chữ viết đứng tên Phạm Tuấn A trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn mới thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền là của mình. Tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *"Người không chấp nhận yêu cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định là có căn cứ".* Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị đơn phải chịu 5.100.000đ tiền chi phí giám định là đúng quy định pháp luật, nên kháng cáo của bị đơn về nội dung này là không có căn cứ.

Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án là không đúng, vì hợp đồng thỏa thuận thời hạn trả nợ là đến ngày 14/02/2017, theo điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015 thì phải áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng.

[3] Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Tuấn A. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ về điều luật áp dụng.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C.

Buộc ông Phạm Tuấn A phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số nợ gốc 90.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 12/12/2016 đến ngày 27/9/2017 là 8.550.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là: 98.550.000đ *(Chín mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)*. Bà C phải trả cho ông Phạm Tuấn A 01 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 991099 của Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 21/8/2015 đứng tên ông Phạm Tuấn A và bà Võ Thị T.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về tiền chi phí giám định: Ông Phạm Tuấn A phải chịu 5.100.000đ tiền chi phí giám định, hoàn trả lại cho bà C số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.100.000đ sau khi thu được của ông Phạm Tuấn A.

3. Về án phí dân sự:

Ông Phạm Tuấn A phải chịu 4.927.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 2.362.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0003773 ngày 31/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đăk Lăk.

Ông Phạm Tuấn A không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000990 ngày 12/10/2017

của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đăk Lăk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND thị xã Buôn Hồ;*
- *Chi cục THA thị xã B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Hường